TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2025/DS-PT
Ngày: 27-5-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Thẩm phán: Bà: Nguyễn Thị Thúy Hằng;

Bà: Nguyễn Thị Võ Trinh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 538/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 704/2024/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 722/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024; Thông báo mở phiên tòa số: 147/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 324/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà A, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; anh Đ có mặt tại phiên tòa.

***2. Bị đơn*:** Chị Ngô Thị Xuân Đ1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà B, ấp

T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chị Đ1 có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Dương Nguyễn Trung D, sinh năm 1972; Địa chỉ: 3, L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh D có mặt tại phiên tòa.

3.2. Chị Kha Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà A, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; chị L vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Anh Dương Nguyễn Trung D là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Đặng Văn Đ trình bày:*

Vào năm 2019 anh Đ làm trong công ty M tại C, thành phố Hồ Chí Minh nên anh Đ có quen biết với vợ chồng anh D và chị Đ1. Do làm chung nên xem vợ chồng anh D chị Đ1 như người thân. Ngoài công việc, anh em hay đi cà phê và tâm sự về việc gia đình, đến cuối năm 2020 anh D có tâm sự với anh Đ là vợ chồng anh đang cần số tiền 150 triệu đồng để lo công việc và gia đình và mua xe cho chị Đ1. Anh D nhờ anh Đ giúp đỡ, tại thời điểm đó anh Đ không có tiền, nhưng anh Đ có hứa với anh D nếu anh Đ có tiền anh Đ sẽ giúp anh D. Đầu năm 2021 anh D có hỏi anh Đ có giúp được anh D không, anh Đ nói anh đợi đến tháng 2 anh Đ mượn tiền được thì sẽ giúp anh D.

Đến ngày 06 tháng 02 năm 2021 anh Đ đưa hai vợ chồng anh D và chị Đ1 số tiền là 150 triệu đồng với điều kiện là hai vợ chồng anh phải làm hợp đồng công chứng với anh Đ. Sau đó anh D, chị Đ1 và anh Đ cùng ra Văn phòng C tại T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh làm hợp đồng vay tiền. Anh Đ và anh D có thương lượng thêm bằng lời nói mà không ghi trong hợp đồng về phần lãi suất anh Đ lấy 1% một tháng, đóng mỗi tháng hay là khi trả nợ vốn tính luôn cũng được; thời hạn cho vay là 06 tháng.

Khi hợp đồng vay đã làm xong đến lúc ký tên thì anh D có nói để cho chị Đ1 là vợ anh D đứng tên và ký hợp đồng vay với anh Đ được không vì anh D không mang theo căn cước công dân. Lúc đó anh Đ thấy anh D và chị Đ1 cũng thật thà và chỗ quen biết và thân với nhau nên anh Đ không nghĩ nhiều và nói anh với chị Đ1 ai ký tên cũng được. Sau đó anh D và chị Đ1 đọc bản hợp đồng vay và chị Đ1 ký tên, hai bên ký hoàn tất. Sau đó anh Đ, anh D và Chị Đ1 cùng qua quán cà phê gần Phòng công chứng, tại đây anh Đ đưa

tiền cho anh D và chị Đ1 cùng nhận số tiền là 150 triệu đồng tiền mặt. Anh D còn nhắc lại nếu mỗi tháng anh không đóng lời thì khi trả vốn em thì anh tính luôn thì Đó cũng đồng ý.

Đến ngày 28 tháng 3 năm 2021 anh D có nói với anh Đ là anh D cần 140 triệu đồng để lo giấy tờ ở Huế. Anh D bảo Đó ráng giúp anh D thời gian chậm nhất là một tháng anh D trả lại cho anh Đ, thấy vậy anh Đ cũng mượn cho anh D 140 triệu đồng có ghi giấy tay để làm tin sau đó anh Đ có đưa cho anh D tiền mặt. Đến ngày 28 tháng 04 năm 2021 anh D có chuyển khoản cho anh Đ 145 triệu đồng qua tài khoản của vợ anh Đ là chị Kha Thị L; trong đó anh D có nói gửi cho Đó 5.000.000 đồng cà phê và có ghi chú trong nội dung chuyển khoản là tất toán nợ. Sau khi nhận tiền của anh D chuyển trả, anh Đ có kêu anh D lại phòng trọ anh Đ lấy tờ giấy tay nhận nợ mà anh D viết khi vay 140.000.000đ của anh Đ, anh D có kêu anh Đ rằng tự xé bỏ biên nhận dùm anh như những lần trước. Sau đó anh Đ có gọi zalo video cho anh D thấy việc anh Đ trực tiếp xé bỏ giấy tay biên nhận mượn 140 triệu ngày 28/3/2021.

Ngoài ra trước đó anh D cũng nhiều lần mượn tiền của anh Đ và đã chuyển trả qua tài khoản của chị Kha Thị L là vợ anh Đ xong hết, cụ thể như sau:

Tháng 6 năm 2021 anh D kẹt tiền xài cho gia đình có mượn anh Đ 3.600.000đ số tiền này anh D trả cho Đó ngày 11 tháng 6 năm 2021.

Tháng 10 năm 2021 anh D mượn 8 triệu đồng. Đến ngày 17 tháng 10 năm 2021 anh D chuyển trả lại cho Đó 8.000.000đ và anh Đ có nhắc anh D số tiền hợp đồng thì anh D trả lời: “em ráng giúp anh xong giấy tờ anh bán đất ở Huế, anh sẽ trả cho em” chỉ nói miệng với nhau không ai làm chứng.

Tháng 12 năm 2021 anh D nói giấy tờ nhà anh ở Huế không xong nên anh D cần 50 triệu để anh D gửi cho bên dịch vụ làm giấy, Đó mới đi mượn cho anh D 50 triệu đồng. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2021 anh D có chuyển khoản cho Đó 54 triệu đồng anh D có nói là gửi cho em 4 triệu tiền cà phê Đó có nói là: Sao anh gửi tiền cà phê nhiều vậy! Anh D trả lời: Kệ đi em, em cũng đi mượn tiền của người ta sau này anh có cần thì mượn cũng dễ dàng hơn. Sau đó cũng như lần trước anh Đ cũng gọi video xé bỏ giấy tay, việc gọi video không ai làm chứng.

Tháng 2 năm 2022 anh D mượn anh Đ thêm 6 triệu đồng, đến ngày 14 tháng 02 năm 2022 anh D chuyển trả cho anh Đ 3 triệu đồng đến ngày 17 tháng 02 năm 2022 anh D trả tiếp cho anh Đ 3 triệu đồng để đủ 6 triệu đồng.

Tháng 3 năm 2022 anh D mượn anh Đ 8 triệu đồng, đến ngày 23 tháng 3 năm 2022 anh D chuyển trả 8 triệu đồng.

Tháng 4 năm 2022 anh D mượn anh Đ 11 triệu đồng, đến ngày 22 tháng 4 năm 2022 anh D trả lại cho anh Đ 11 triệu đồng vài ngày sau anh D hỏi mượn anh Đ 25 triệu đồng đến ngày 29 tháng 4 năm 2022 anh D có chuyển khoản trả lại anh Đ 25.250.000đ anh D gửi cho anh Đ 250.000đ tiền cà phê.

Tháng 7 năm 2022 anh D hỏi mượn anh Đ 19 triệu đồng đến ngày 13 tháng 7 năm 2022 anh D chuyển trả lại cho anh Đ 19 triệu đồng.

Tháng 10 năm 2022 anh D hỏi mượn anh Đ thêm 8 triệu, ngày 3 tháng 10 năm 2022 anh D chuyển trả anh Đ 08 triệu đồng.

Tháng 11 năm 2022 anh D mượn anh Đ 13 triệu đồng đến ngày 7 tháng 11 năm 2022 anh D chuyển trả lại anh Đ 13 triệu đồng.

Ngày 10 đến tháng 12 năm 2022 anh D mượn anh Đ 15 triệu đồng đến ngày 20 tháng 12 năm 2022 anh D chuyển trả cho anh Đ 15 triệu đồng.

Tháng 3 năm 2023 anh D mượn anh Đ 17 triệu đồng đến ngày 15 tháng 3 năm 2023 anh D chuyển đã trả lại cho anh Đ 17 triệu đồng.

Những số tiền Đó cho anh D vay trình bày trên mà anh D đã trả xong là anh Đ đưa cho anh D tiền mặt cũng có và chuyển khoản tại bưu điện ở cửa hàng V cũng có. Thời gian sau này anh Đ gọi điện cho anh D và chị Đ1 để nhắc khoản nợ 150.000.000đ rất khó khăn anh D, chị Đ1 cứ hứa mà không thực hiện né tránh anh Đ, thấy vậy nên anh Đ quyết định làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện ban đầu anh Đ nêu vì trong hợp đồng vay có công chứng chỉ có chị Đ1 ký tên vay tiền với anh Đ nên anh Đ yêu cầu chị Đ1 trả số tiền vốn lãi của tiền vay là: 201.000.000đ, bao gồm: Tiền nợ gốc 150.000.000đ, nợ lãi tính từ tháng 02/2021 đến tháng 12/2023 với lãi suất 1%/tháng là 51.000.000đ.

Ngày 24/8/2024 anh Đ có đơn khởi kiện bổ sung, theo đơn khởi kiện này anh Đ yêu cầu chị Đ1 và anh D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đ

vốn lãi tiền vay của hợp đồng vay ngày 06/02/2021 vì khi thỏa thuận hợp đồng là anh Đ thỏa thuận với anh D, khi ký hợp đồng anh D nói là không có căn cước công dân nên yêu cầu chị Đ1 là vợ anh D ký hợp đồng vay với anh Đ, khi anh Đ giao tiền 150.000.000đ thì giao cho D và Đ1 và anh D và chị Đ1 cũng thừa nhận là sử dụng tiền vay này vào mục đích chung gia đình (mở quán) nên anh Đ yêu cầu chị Đ1 và anh D cùng liên đới nghĩa vụ trả nợ cho anh Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng, tính từ ngày 07/02/2021 đến 07/12/2023. Cụ thể là 34 tháng (150.000.000đ x 0,83%/tháng x 34 tháng) số tiền là 42.330.000đ.

- Bị đơn Chị Ngô Thị Xuân Đ1 trình bày:

Chị Đ1 với anh D là vợ chồng, do anh D chồng chị Đ1 và anh Đặng Văn Đ làm chung Công ty từ năm 2019, nên quen biết nhau. Giữa hai bên có thỏa thuận vay tiền với nhau, theo thỏa thuận thì anh Đ cho anh D vay số tiền là 150.000.000đ; sau khi thỏa thuận xong, ngày 06/02/2021 chị Đ1 có ký tên vào hợp đồng vay tiền với anh Đ tại Phòng công chứng; lý do anh D lúc ký kết không mang theo căn cước công dân nên chỉ chị Đ1 trực tiếp ký hợp đồng vay với anh Đ. Theo hợp đồng thì anh Đ cho chị Đ1 vay 150.000.000đ, lãi suất các bên tự thỏa thuận sau khi ký hợp đồng. Chị Đ1 và anh D đã nhận đủ 150.000.000đ từ anh Đ sau khi hợp đồng ký kết; mục đích vay tiền về sử dụng chung trong gia đình (mở quán). Sau khi vay tiền của anh Đ đến ngày 28 tháng 04 năm 2021 anh D đã chuyển khoản 145.000.000đ trả cho Đặng Văn Đ qua tài khoản của vợ anh Đ là chị Kha Thị Lệ . Từ ngày vay đến nay chị Đ1 và anh D không có đóng lãi cho anh Đ. Do chị Đ1 và anh D đã trả cho anh Đ 145.000.000đ nên hiện nay chị Đ1 và anh D chỉ còn nợ anh Đ số tiền vốn vay là 5.000.000đ (của hợp đồng vay ngày 06/02/2021). Nay chị Đ1 chỉ đồng ý liên cùng anh D trả lại cho anh Đ vốn vay còn lại là 5.000.000đ, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh Đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Nguyễn Trung D trình bày:

Anh D và chị Đ1 là vợ chồng, anh D và anh Đ là anh em bạn bè trước đây làm chung công ty ở C. Ngày 06/02/2021 giữa anh D và anh Đ có thỏa thuận vay tiền, theo thỏa thuận thì anh Đ cho anh D vay 150.000.000đ, sau khi thỏa thuận xong thì giữa anh Đ và anh D tiến hành làm hợp đồng vay tại Phòng công chứng, do anh D không có căn cước công dân nên anh D nói với

anh Đ là để chị Đ1 là vợ anh D ký tên vào hợp đồng vay ngày 06/02/2021 với anh Đ, lãi suất do các bên thỏa thuận sau khi ký hợp đồng; anh D và chị Đ1 nhận đủ số tiền vay từ anh Đ là 150.000.000đ, anh D, chị Đ1 vay tiền này của anh Đ để phục vụ chung cho gia đình (mở quán), từ ngày vay đến nay anh D và chị Đ1 không đóng lãi cho anh Đ. Sau khi vay tiền của anh Đ đến ngày 28/4/2021 thì anh D đã chuyển cho anh Đ số tiền 145.000.000đ qua số tài khoản của vợ anh Đ là Kha Thị Lệ . Hiện tại anh D và chị Đ1 chỉ còn nợ anh Đ số tiền 5.000.000đ. anh D và chị Đ1 đồng ý trả lại cho anh Đ số tiền vốn vay còn lại là: 5.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Do trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ trình bày nhưng chưa đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh nên ngày 01/7/2024 Tòa án nhân nhân dân huyện Lai Vung có ban hành văn bản số 138/TB.TA yêu cầu anh Đ cung cấp chứng cứ về việc anh D chuyển khoản cho anh Đ 145.000.000đ là trả cho khoản vay khác không phải khoản vay mà anh Đ đang khởi kiện chị Đ1.

Ngày 01/7/2024 anh Đ có tờ tường trình trả lời văn bản số 138 ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung nội dung như sau: ngày 28/3/2021 anh D có liên lạc với anh Đ hỏi vay số tiền để kinh doanh; do tin tưởng nên anh Đ đồng ý cho anh D vay số tiền 140.000.000đ; khi Đ và D uống cà phê thì Đó trực tiếp giao tiền mặt cho anh D, anh D có viết giấy tay, đến ngày 28/4/2021 anh D có chuyển khoản vào tài khoản Kha Thị L là vợ của anh Đ số tiền 145.000.000đ nội dung thanh toán hết công nợ anh D nói 5.000.000đ là tiền cà phê cho anh Đ; do anh Đ đi vay tiền người khác dùm anh D. Sau khi nhận tiền khoản 2 đến 3 ngày sau anh Đ có gọi anh D qua nhà để lấy giấy nợ thì anh D có nói là chỗ anh, em tin tưởng nhau nên nhờ anh Đ xé bỏ giấy tay giúp anh D. Khoảng 03 ngày sau Đó gọi video xé giấy vay nợ 140.000.000đ cho anh D thấy, anh D đã thấy và đồng ý, việc anh Đ xé giấy nợ có chị N ở cạnh nhà trọ vợ chồng anh Đ thấy. Nên anh Đ yêu cầu Đưa chị N vào tham gia trong vụ án là người làm chứng.

Chị Kha Thị L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung và tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Chị L là vợ của anh Đ, anh D, chị Đ1 là những người làm chung công ty với L, Đ vào năm 2019. Khi anh Đ thỏa thuận cho anh D và chị Đ1 vay tiền 150.000.000đ thì chị L không biết, chị L không chứng kiến, nhưng sau đó chị L có thấy hợp đồng vay tiền của anh Đ và chị Đ1 ngày 06/02/2021 tại nhà L. Chị L không biết nguồn tiền 150.000.000đ mà anh Đ cho chị Đ1 vay, không phải tiền của

vợ chồng. Sau khi vay tiền thì anh D và chị Đ1 có trả tiền cho anh Đ không thì chị L không biết. Số tài khoản 0111112379 tại Ngân hàng Đ3 là của chị L. Ngày 28/4/2021 anh D có chuyển vào số tài khoản này của chị L 145.000.000đ, số tiền này chị L đã giao cho anh Đ đã nhận đủ, chị L không biết việc anh Đ cho anh D vay 140.000.000đ ngày 28/3/2021 vì là chuyện riêng của anh Đ, chị L cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 8 năm 2024 người làm chứng Phạm Ngọc Thanh H trình bày: Chị H và anh Đ là bạn bè lâu năm, H quan biết D với Đ1 là thông qua Đó. Năm 2021 chị H có cho anh Đ vay 140.000.000đ, lúc đó anh Đ nói với chị H là vay tiền cho người anh tên D ở cùng công ty, tại thời điểm anh Đ mượn tiền chị H thì chị H không biết anh D là ai, chị H chỉ biết cho anh Đ mượn còn việc Đ cho ai mượn hay làm gì thì H không quan tâm. Sau này thì anh Đ có mời chị H đi uống ca phê chung với anh D thì chị H mới biết mặt anh D. Chị H cho anh Đ vay tiền trong thời gian 01 tháng, và tiền vay này anh Đ đã trả cho chị H xong, anh Đ là người trực tiếp trả tiền cho chị H. Chị H không có chứng kiến việc anh Đ cho ai vay tiền lại, chị H không quan tâm, chị H chỉ nghe Đó nói cho mượn lại thôi còn có cho mượn hay không thì chị H không tận mắt chứng kiến.

Tại tờ tường trình ngày 12/8/2024 người làm chứng Nguyễn Thị Kim N trình bày: Năm 2021 chị N có ở nhà trọ tại huyện C, TP Hồ Chí Minh có quen biết vợ chồng anh Đ, chị L. Hàng ngày N đi làm chung vợ chồng anh Đ, khi về thường qua phòng trọ vợ chồng anh Đ chơi, vì phòng trọ vợ chồng anh Đ gần phòng trọ chị N, N nhớ tối hôm đó N qua phòng trọ anh Đ chơi, không nhớ ngày nào nhưng N nhớ tháng 4/2021 tầm khoản 19 giờ 30 Ngân ngồi nói chuyện với L vợ anh Đ khoảng 30 phút sau N thấy anh Đ gọi zalo cho một người nói chuyện, cụ thể nói gì N không nghe rõ, trong lúc nói chuyện N nghe anh Đ nói vậy là bây giờ em xé giấy nợ dùm anh nhe anh D, khi anh Đ xé thì N có nhìn thấy mặt anh D qua điện thoại zalo của anh Đ, xé xong anh Đ có quay điện thoại xuống đất cho anh D xem thấy rõ rồi mới tắt điện thoại. Sau đó, N có hỏi anh Đ là giấy tờ gì xé vậy anh Đ nói là giấy nợ viết tay của anh D lúc mượn tiền của Đó, giờ anh D trả đủ rồi anh D bận công việc không qua lấy được nên anh xé dùm; N hỏi anh Đ, D mượn tiền của Đó nhiều không, Đ nói là 140.000.000đ, anh Đ nói anh đâu có tiền đâu tiền anh mượn của chị H ở T để đưa cho D mượn mà H cũng bắt anh viết giấy tay mượn nợ như vầy nè mà

anh D mượn 01 tháng trả lại, sau đó N không hỏi gì thêm nữa. Do chị N mới sinh con nên không đến Tòa xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ.

- Buộc chị Ngô Thị Xuân Đ1 và anh Dương Nguyễn Trung D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Văn Đ số tiền: 192.330.000đ (một trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba chục ngàn đồng). Trong đó tiền vốn là 150.000.000đ, tiền lãi là 42.330.000đ.

- Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ thi hành án chưa thi hành xong các khoản theo như án tuyên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị Ngô Thị Xuân Đ1 và anh Dương Nguyễn Trung D cùng có nghĩa vụ nộp 9.616.500đ (chín triệu sáu trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng) án phí. Hoàn trả cho anh Đặng Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 22/4/2024 là 5.025.000đ theo biên lai thu số 0001629 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/9/2024 anh Dương Nguyễn Trung D làm đơn kháng cáo không thống nhất bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết để xác nhận và kết luận cho vợ chồng anh D và chị Đ1 đã trả số tiền của hợp đồng 150.000.000đ và bác bỏ đơn kiện của anh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Đ trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu như ở sơ thẩm, không thỏa thuận được với chị Đ1, anh D. Về giải quyết vụ án, anh Đ yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A.

- Chị Đ1 trình bày: Chị Đ1 chỉ đồng ý liên đới cùng anh D trả lại cho anh Đ số tiền vốn vay còn nợ lại là 5.000.000đ. Không đồng ý trả số tiền như anh Đ yêu cầu.

- Anh D trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ. Không chấp nhận nội dung bản án sơ thẩm, đã trả xong cho anh Đ số tiền 145 triệu đồng, chỉ đồng ý liên đới cùng chị Đ1 trả cho anh Đ số tiền còn nợ là 5.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Nguyễn Trung D thực hiện đúng và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Nguyễn Trung D; đề nghị tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lai Vung thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Anh Dương Nguyễn Trung D nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo phù hợp nên xem xét là hợp lệ để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn là anh Đặng Văn Đ cho rằng có cho chị Ngô Thị Xuân Đ1 và anh Dương Nguyễn Trung D vay số tiền là 150.000.000đ, được thể hiện tại hợp đồng vay số: 00001477, lập ngày 06 tháng 02 năm 2021 tại Phòng C1 ở xã T, huyện C, TP Hồ Chí Minh. Việc này đã được chị Đ1 và anh D thừa nhận, nên sự việc đã có giá trị pháp lý, các bên không cần phải có nghĩa vụ

chứng minh. Anh Đ cũng cho rằng đã giao tiền mặt xong cho chị Đ1 và anh D sau khi ký kết hợp đồng, việc này cũng đã được anh D, chị Đ1 thừa nhận là đã nhận và cho rằng số tiền đã nhận vay 150.000.000đ này đã trả bằng việc chuyển khoản số tiền 145.000.000đ vào tài khoản của chị L; nên việc giao nhận số tiền vay 150.000.000đ giữa hai bên là có thật, có giá trị pháp lý, do các bên thừa nhận, không cần phải chứng minh gì thêm trong vụ án.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Văn Đ buộc chị Ngô Thị Xuân Đ1 và anh Dương Nguyễn Trung D phải trả cho anh Đ số tiền là 192.330.000 đồng bao gồm vốn gốc là 150.000.000đ và tiền lãi là 42.330.000đ là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

[3.1] Chị Ngô Thị Xuân Đ1, anh Dương Nguyễn Trung D thừa nhận có vay tiền của anh Đăng Văn Đ2 số tiền 150.000.000đ. Việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền và được công chứng ngày 06/02/2021. Chị Đ1 là người trực tiếp ký vào hợp đồng (anh D kêu chị Đ1 ký vào hợp đồng với anh Đ2 vì khi ký hợp đồng anh D không có mang theo căn cước công dân và anh Đ2 đồng ý chị Đ1 ký hợp đồng vay với anh Đ2). Chị Đ1, anh D thừa nhận đã nhận đủ tiền 150.000.000 đồng của anh Đ2, mục đích vay tiền là để sử dụng chung trong gia đình của anh chị. Chị Đ1, anh D khai nại cho rằng số tiền vay vào ngày 06/02/2021 với số tiền là 150.000.000đ đã được trả bằng hình thức chuyển khoản số tiền 145.000.000đ vào ngày 28/4/2021 qua tài khoản của vợ anh Đ2 là chị L; việc này không được anh Đ2 thừa nhận. Anh Đ2 cho rằng, số tiền mà anh đã nhận 145.000.000đ mà anh D đã chuyển khoản từ tài khoản của anh D vào tài khoản của chị L là vợ anh Đ2, là số tiền trả cho khoản vay 140.000.000đ ngày vay là 28/3/2021 của người vay là anh D không liên quan đến khoản vay 150.000.000đ như anh Đ2 yêu cầu trên. Chứng minh cho nguồn tiền có được 140.000.000đ để anh Đ2 cho anh D vay, anh Đ2 cho rằng đã vay từ chị H trùng khớp về số tiền, thời gian, việc này đã được chị H làm chứng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, anh Đ2 cũng chứng minh cho việc đã nhận đủ số tiền trả của khoản vay ngày 28/3/2021 là 140.000.000đ vào ngày 28/4/2021 nhận vào tài khoản của chị L vợ anh Đ2 là 145.000.000đ, trong đó là có trả thừa 5.000.000đ mà anh D gửi anh Đ2 tiền cà phê. Sau khi anh D trả xong 140.000.000đ thì anh Đ2 có điện thoại qua Z cho anh D và xé bỏ biên nhận và quay cho anh D xem và thống nhất; việc anh Đ2 xé bỏ biên nhận này có chị Nguyễn Thị Kim N chứng kiến. Theo lời trình bày của anh Đ2 thì từ năm 2021 đến 2023 anh Đ2 có cho anh D vay nhiều lần với nhiều khoản tiền khác nhau, có vay và có trả, nhưng với khoản vay mà anh Đ2

khởi kiện chị Đ1 và anh D nêu trên thì chưa được trả lãi và tiền nợ gốc. Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu của anh Đặng Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết và chứng cứ của vụ án, nên chấp nhận.

[3.2] Theo sao kê từ Ngân hàng Đ3 (tài khoản của chị L mở tại Ngân hàng Đ3 số tài khoản là 0111112379) thể hiện: "Báo có chuyển tiền điện tử từ Dương Nguyễn Trung D thanh toán hết công nợ số tiền 145.000.000đ". Như vậy qua nội dung chuyển tiền này là chuyển trả số tiền 145.000.000đ tất toán hết công nợ xem như đã trả nợ xong; nội dung này không ghi rõ số nợ cho khoản tiền vay nào; cũng không đề cập gì đến người vay là Ngô Thị Xuân Đ1 trả nợ. Bên cạnh đó, anh Đ kiện chị Đ1 và anh D với số tiền vay theo hợp đồng là 150.000.000đ nếu chuyển khoản số tiền 145.000.000đ thì vẫn còn nợ lại 5.000.000đ vốn, nên ghi chuyển 145.000.000đ thanh toán hết công nợ là không phù hợp với khoản vay 150.000.000đ. Mà nó phù hợp với khoản vay 140.000.000đ, của người đi vay tiền là Dương Nguyễn Trung D.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Dương Nguyễn Trung D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của anh D là không có đủ căn cứ, đồng thời anh D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Dương Nguyễn Trung D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của anh Dương Nguyễn Trung D không được chấp nhận, nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 ,147, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Nguyễn Trung D;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ.

Buộc chị Ngô Thị Xuân Đ1 và anh Dương Nguyễn Trung D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Văn Đ số tiền là: 192.330.000đ (một trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba chục ngàn đồng); trong đó bao gồm tiền vốn là 150.000.000đ, tiền lãi là 42.330.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên có nghĩa vụ thi hành án chưa thi hành xong các khoản theo như án tuyên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Xuân Đ1 và anh Dương Nguyễn Trung D cùng liên đới có nghĩa vụ nộp 9.616.500đ (chín triệu sáu trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả cho anh Đặng Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 22/4/2024 là 5.025.000đ, theo biên lai thu số: 0001629 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Nguyễn Trung D phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: 0014023 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (K).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến